

Số: 879/QĐ-CĐSPTW-ĐBCL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 11 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công nhận kết quả học tập**  
**Trình độ Cao đẳng – Hệ chính quy - Năm học 2025 – 2026**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM**  
**TRUNG ƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ ngày 25/9/1976 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và việc thành lập Trường Sư phạm Mẫu giáo Trung ương 3;

Căn cứ Quyết định số 2064/QĐ-BGDĐT ngày 25/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đổi tên Trường Cao đẳng Sư phạm mẫu giáo Trung ương 3 thành Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư 23/2022/TT-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường Cao đẳng sư phạm;

Căn cứ Thông tư số 07/2023/TT-BGDĐT ngày 10/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 627/QĐ-CĐSPTW-ĐTKH ngày 08/09/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về đào tạo trình độ cao đẳng hệ chính quy ngành Giáo dục Mầm non theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-CĐSPTW-ĐBCL ngày 15/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 555/QĐ-CĐSPTW-ĐT ngày 31/7/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ vào hồ sơ đề nghị xét và công nhận kết quả học tập của sinh viên;

Theo kết luận họp Hội đồng xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ trình độ cao đẳng, ngành Giáo dục Mầm non, hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học; năm học 2025-2026,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận kết quả học tập của các học phần cho 15 sinh viên ngành



Giáo dục Mầm non, trình độ cao đẳng hệ chính quy (danh sách, học phần đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các Ông/Bà Trưởng phòng KT, TT & ĐBCL, Phòng Đào tạo, Khoa học và Hợp tác Quốc tế, Phòng Công tác chính trị - Học sinh Sinh viên, Khoa liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Ban giám hiệu;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐBCL.



**HIỆU TRƯỞNG**

**ThS. Nguyễn Nguyên Bình**



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 11 năm 2025

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CHUYỂN ĐỔI TÍN CHỈ HỌC PHẦN  
TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO - HỆ CAO ĐẲNG - HÌNH THỨC CHÍNH QUY - NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số 879/QĐ-CĐSPTW-ĐBCL, ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương TP. Hồ Chí Minh)

| TT | Họ và tên            | Ngày sinh  | Khóa/ lớp | MSSV      | Được công nhận và chuyển đổi tín chỉ HP            | TC | Điểm học phần | Ghi chú |
|----|----------------------|------------|-----------|-----------|----------------------------------------------------|----|---------------|---------|
| 1  | Luu Nguyễn Thúy An   | 06/06/2006 | K38M05    | 501250006 | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1 | 2  | 8.3           |         |
|    |                      |            |           |           | Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh)                    | 2  | 9             |         |
|    |                      |            |           |           | Pháp luật đại cương                                | 2  | 6.4           |         |
|    |                      |            |           |           | Tiếng Anh 1                                        | 2  | 6.7           |         |
|    |                      |            |           |           | Giáo dục Quốc phòng - An ninh                      | 8  | 7.8           |         |
| 2  | Trương Thị Ngọc Thắm | 19/11/2001 | K38M13    | 501250528 | Giáo dục Quốc phòng - An ninh                      | 8  | CC            |         |
| 3  | Phạm Thị Màu         | 30/04/2004 | K38M02    | 501250298 | Pháp luật đại cương                                | 2  | 6.4           |         |
|    |                      |            |           |           | Tiếng Anh 1                                        | 3  | 7.1           |         |
|    |                      |            |           |           | Tiếng Anh 2                                        | 2  | 6.9           |         |



| TT | Họ và tên          | Ngày sinh  | Khóa/ lớp | MSSV      | Được công nhận và chuyển đổi tín chỉ HP            | TC | Điểm học phần | Ghi chú |
|----|--------------------|------------|-----------|-----------|----------------------------------------------------|----|---------------|---------|
|    |                    |            |           |           | Tiếng Anh 3                                        | 2  | 6.9           |         |
|    |                    |            |           |           | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông)                     | 2  | 5.2           |         |
| 4  | Phạm Nguyễn Thu An | 15/08/2003 | K38M12    | 501250013 | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1 | 2  | 7             |         |
|    |                    |            |           |           | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2 | 3  | 7.7           |         |
|    |                    |            |           |           | Tư Tưởng Hồ Chí Minh                               | 2  | 6.2           |         |
|    |                    |            |           |           | Đường lối cách mạng của ĐCSVN                      | 3  | 6.2           |         |
|    |                    |            |           |           | Pháp luật đại cương                                | 2  | 7.6           |         |
|    |                    |            |           |           | Tiếng Anh 1                                        | 3  | 7.6           |         |
|    |                    |            |           |           | Tiếng Anh 2                                        | 2  | 8             |         |
|    |                    |            |           |           | Tiếng Anh 3                                        | 2  | 6.6           |         |
|    |                    |            |           |           | Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh)                    | 2  | 8.6           |         |
|    |                    |            |           |           | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông)                     | 2  | 7.2           |         |
|    |                    |            |           |           | Giáo dục Quốc phòng - An ninh                      |    | CC            |         |



| TT | Họ và tên        | Ngày sinh  | Khóa/ lớp | MSSV      | Được công nhận và chuyển đổi tín chỉ HP            | TC | Điểm học phần | Ghi chú |
|----|------------------|------------|-----------|-----------|----------------------------------------------------|----|---------------|---------|
| 5  | Lê Thanh Thảo    | 10/09/1998 | K38M13    | 501250560 | Pháp luật đại cương                                | 2  | 7.2           |         |
|    |                  |            |           |           | Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh)                    | 2  | 7.6           |         |
|    |                  |            |           |           | Tiếng Anh 1, 2, 3                                  | 7  | 6.4           |         |
| 6  | Trần Hạ Vy       | 20/09/2001 | K38M16    | 501250858 | Giáo dục Quốc phòng - An ninh                      | 8  | CC            |         |
| 7  | Lại Thị Kim Ngân | 27/03/2003 | K38M16    | 501250369 | Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh)                    | 2  | 8.2           |         |
|    |                  |            |           |           | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông)                     | 2  | 8.1           |         |
|    |                  |            |           |           | Phương pháp nghiên cứu khoa học                    | 2  | 6.5           |         |
|    |                  |            |           |           | Tư Tưởng Hồ Chí Minh                               | 2  | 5.2           |         |
|    |                  |            |           |           | Tâm lý học đại cương                               | 2  | 5.9           |         |
|    |                  |            |           |           | Pháp luật đại cương                                | 2  | 7.7           |         |
|    |                  |            |           |           | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1 | 2  | 8             |         |
|    |                  |            |           |           | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2 | 3  | 6             |         |
|    |                  |            |           |           | Đường lối cách mạng của ĐCSVN                      | 3  | 7.4           |         |



| TT | Họ và tên   | Ngày sinh | Khóa/ lớp | MSSV      | Được công nhận và chuyển đổi tín chỉ HP            | TC | Điểm học phần | Ghi chú |
|----|-------------|-----------|-----------|-----------|----------------------------------------------------|----|---------------|---------|
|    |             |           |           |           | Giáo dục Quốc phòng - An ninh                      | 8  | CC            |         |
| 8  | Hồ Thị Song | Ca        | K38M16    | 501250065 | Tiếng Anh 1                                        | 3  | 6.9           |         |
|    |             |           |           |           | Tiếng Anh 2                                        | 2  | 5.6           |         |
|    |             |           |           |           | Tiếng Anh 3                                        | 2  | 5.2           |         |
|    |             |           |           |           | Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh)                    | 2  | 9.1           |         |
|    |             |           |           |           | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông)                     | 2  | 8.9           |         |
|    |             |           |           |           | Phương pháp nghiên cứu khoa học                    | 2  | 5             |         |
|    |             |           |           |           | Tâm lý học đại cương                               | 2  | 4.9           |         |
|    |             |           |           |           | Giáo dục Quốc phòng - An ninh                      | 8  | CC            |         |
|    |             |           |           |           | Pháp luật đại cương                                | 2  | 7.6           |         |
|    |             |           |           |           | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1 | 3  | 8             |         |
|    |             |           |           |           | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2 | 2  | 6             |         |
|    |             |           |           |           | Tư Tưởng Hồ Chí Minh                               | 2  | 5.9           |         |



| TT | Họ và tên             | Ngày sinh  | Khóa/ lớp | MSSV      | Được công nhận và chuyển đổi tín chỉ HP            | TC | Điểm học phần | Ghi chú |
|----|-----------------------|------------|-----------|-----------|----------------------------------------------------|----|---------------|---------|
|    |                       |            |           |           | Đường lối cách mạng của ĐCSVN                      | 3  | 6.6           |         |
| 9  | Nguyễn Thị Minh Tuyền | 18/09/1994 | K38M13    | 501250773 | Giáo dục Quốc phòng - An ninh                      | 8  | CC            |         |
| 10 | Trương Thị Ngọc Thắm  | 19/11/2001 | K38M13    | 501250528 | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1 | 3  | 5.5           |         |
|    |                       |            |           |           | Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2 | 2  | 5.9           |         |
|    |                       |            |           |           | Đường lối cách mạng của ĐCSVN                      | 3  | 6.5           |         |
|    |                       |            |           |           | Tư Tưởng Hồ Chí Minh                               | 2  | 6.1           |         |
|    |                       |            |           |           | Tiếng Anh 1                                        | 3  | 6.4           |         |
|    |                       |            |           |           | Tiếng Anh 2                                        | 2  | 5.3           |         |
|    |                       |            |           |           | Tiếng Anh 3                                        | 2  | 6.1           |         |
|    |                       |            |           |           | Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh)                    | 2  | 6.2           |         |
|    |                       |            |           |           | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông)                     | 2  | 6.5           |         |
|    |                       |            |           |           | Giáo dục Quốc phòng - An ninh                      | 8  | 10            |         |
| 11 | Huỳnh Nguyễn Ngọc Nhi | 23/11/2004 | K35M04    | 501220364 | Tiếng Anh 1, 2, 3                                  | 7  | 10            |         |



| TT | Họ và tên          | Ngày sinh  | Khóa/ lớp | MSSV      | Được công nhận và chuyển đổi tín chỉ HP | TC | Điểm học phần | Ghi chú |
|----|--------------------|------------|-----------|-----------|-----------------------------------------|----|---------------|---------|
| 12 | Phan Ngọc Bảo Hân  | 13/11/2005 | K37M03    | 501240085 | Giáo dục Quốc phòng - An ninh           | 8  | CC            |         |
| 13 | Lê Minh Khuê       | 08/07/2004 | K37M05    | 501240144 | Giáo dục Quốc phòng - An ninh           | 8  | CC            |         |
| 14 | Lương Mai Tường Vy | 26/01/2005 | K37M02    | 501240633 | Giáo dục Quốc phòng - An ninh           | 8  | CC            |         |
| 15 | Ngô Gia Linh       | 12/04/2005 | K38M05    | 501250256 | Tiếng Anh 1                             | 3  | 7.3           |         |
|    |                    |            |           |           | Tiếng Anh 2                             | 2  | 8.4           |         |
|    |                    |            |           |           | Tiếng Anh 3                             | 2  | 6.7           |         |
|    |                    |            |           |           | Pháp luật đại cương                     | 2  | 8.4           |         |
|    |                    |            |           |           | Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông)          | 2  | 8.2           |         |

Danh sách gồm 15 sinh viên./.

